

ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN
NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP
**TỔNG CÔNG TY
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1552/ĐS - KTKT

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2020

V/v thực hiện công bố thông tin của
Tổng công ty ĐSVN theo Nghị định số
81/2015/NĐ-CP

Kính gửi:

- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam xin báo cáo một số nội dung như sau:

1. Tình hình SXKD và đầu tư phát triển năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển năm 2020 (Phụ lục IV);
2. Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và 03 năm gần nhất (Phụ lục số V);
3. Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội năm 2019 (Phụ lục VI);
4. Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của Tổng công ty năm 2019 (Phụ lục VIII);
5. Các thông tin công bố khác:
 - Ngày 17/4/2020 Tổng công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lần thứ 6 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;
 - Thông tin về tình hình quản trị và cơ cấu tổ chức doanh nghiệp năm 2020.

(Kèm theo các phụ lục và văn bản khác liên quan).

Tổng công ty Đường sắt Việt Nam kính báo cáo Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Bộ Kế hoạch và đầu tư xem xét cho ý kiến chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Phát triển DN Bộ KHĐT;
- Đảng ủy TCT ĐSVN (để b/c);
- HĐTV TCT ĐSVN (để b/c);
- Các Ban: TCKT, TCCB, KHKD;
- Ban Biên tập viên trang TTĐT;
- Lưu: VT, KTKT (05).

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Sỹ Mạnh



PHỤ LỤC IV
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH
VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP
ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

TỔNG CÔNG TY
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
MST: 0100105052

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2020

(Nội dung đã được Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam
phê duyệt tại Văn bản số 1420/ĐS-VP ngày 10/6/2020)

I. Tình hình SXKD và đầu tư phát triển năm 2019.

1. Các chỉ tiêu chủ yếu (các chỉ tiêu thực hiện năm 2019 là số dự kiến và được so sánh với cùng kỳ năm 2018).

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện	So sánh (%)	
				Kế hoạch	TH năm 2018
1	Sản lượng chủ yếu				
-	Tấn xếp	Tấn	5.128.774	85,2	90,6
-	Tấn KM	1000 Tấn Km	3.742.287	91,5	93,8
-	Hành khách lên tàu	Hành khách	8.079.358	89,3	93,0
-	Hành khách Km	1000 HK Km	3.184.045	85,4	89,9
2	Sản lượng hoạt động công ích (Quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia)	Triệu đồng	2.740.000	100	106,8
3	Doanh thu hợp nhất (gồm thu nội bộ của các Công ty CP)	Triệu đồng	8.383.600	100,1	101,5
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	180.976	123,1	124,2
5	Nộp ngân sách nhà nước (từ phí và lệ phí theo dự toán thu chi NSNN)	Triệu đồng	341.200	92,5	102,1
6	- Vốn đầu tư phát triển:	Triệu đồng			
	+ Ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	21.887	29,7	11,5
	+ Tổng công ty	Triệu đồng	0	-	-
	- Vốn SNKT (đường ngang)	Triệu đồng	463.464	96,6	193,1

2. Đầu tư phát triển:

a. Vốn Ngân sách Nhà nước.

- Ngày 20/11/2019, Bộ GTVT có văn bản số 11040/BGTVT-KHĐT giao kế hoạch vốn năm 2019 là 59,927 tỷ đồng, trong đó:

+ Dự án “Cải tạo nâng cấp tải trọng các cầu yếu còn lại trên tuyến đường sắt Hà Nội - TP Hồ Chí Minh” là 45 tỷ đồng (nhu cầu vốn để hoàn thành dự án là 73,353 tỷ đồng);

+ Công trình “Xây dựng các hạng mục công trình thuộc giai đoạn 2 Kế hoạch 1856 theo lệnh khẩn cấp” là 14,927 tỷ đồng.

Do kế hoạch vốn được giao vào cuối năm (ngày 20/11/2019) nên Tổng công ty đã xin kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2020 đồng thời tích cực chỉ đạo các Ban QLDAĐS khẩn trương giải ngân được 21,8 tỷ đồng đạt 29,7% kế hoạch.

- Tổng công ty đã chủ động, tích cực làm việc với Bộ GTVT và các cơ quan chức năng để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư 4 dự án quan trọng, cấp bách sử dụng gói 7000 tỷ đồng từ nguồn dự phòng của kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020. Đến nay Bộ GTVT đã phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình cho 4 dự án và các Chủ đầu tư (PMU Rail và Ban 85) đang triển khai các bước thực hiện đầu tư để thi công và hoàn thành công trình theo tiến độ Bộ GTVT đã giao;

- Triển khai các công trình theo Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ:

+ Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư Dự án triển khai, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường ngang năm 2019 theo Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ (52 công trình đường ngang) và giải ngân đúng kế hoạch vốn được giao;

+ Hoàn thành sửa chữa, bổ sung lắp đặt cần chắn tự động cho 32 đường ngang cảnh báo tự động (giai đoạn 2012 - 2017);

+ Theo quyết định giao kế hoạch vốn năm 2019 là 480 tỷ đồng nhưng thực tế dự toán Bộ GTVT giao cho Tổng công ty là 463,464 tỷ đồng vì vậy Tổng công ty hoàn thành 100% theo dự toán được phê duyệt (đạt 96,6% kế hoạch vốn).

b. Vốn của Tổng công ty.

- Các Công ty cổ phần Vận tải đường sắt (Công ty CP VTĐS) đã hoàn thành các dự án đóng mới và cải tạo nâng cấp toa xe chuyển tiếp từ năm 2018 với tổng mức đầu tư 313,8 tỷ đồng và đưa vào khai thác 60 toa xe khách và 50 toa xe hàng Mc. Các dự án đầu tư phương tiện vận tải vay vốn ngân hàng và huy động vốn từ các nhà đầu tư ngoài ngành theo kế hoạch vốn năm 2019 đều dừng không triển khai thực hiện;

- Các dự án xã hội hóa và hợp tác đầu tư kết cấu hạ tầng đường sắt (KCHTĐS) đều tạm dừng chờ phê duyệt "Đề án Quản lý, sử dụng, khai thác tài sản KCHTĐS quốc gia do Nhà nước đầu tư" theo Nghị định 46/2018/NĐ-CP;

- Căn cứ Quyết định số 433/QĐ-UBQLV ngày 08/10/2019 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Ủy ban Vốn) phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2019 của Công ty Mẹ - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Hội đồng thành viên Tổng công ty đã triển khai Quyết định số 1421/QĐ-ĐS ngày 04/11/2019 ban hành Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2019 sử dụng nguồn vốn của Công ty mẹ để các đơn vị làm cơ sở thực hiện. Đến nay đã hoàn thành 89 hạng mục, công trình với tổng mức đầu tư 38,2 tỷ đồng.

II. Kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2020.

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

(Các chỉ tiêu kế hoạch được tổng hợp trên cơ sở các chỉ tiêu Hội đồng thành viên giao cho Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các Công ty cổ phần năm 2020; kế hoạch của Công ty Mẹ được Ủy ban Vốn phê duyệt tại Quyết định số 19/QĐ-UBQLV ngày 09/01/2020).

a. Sản lượng và doanh thu hợp cộng bằng 77% trở lên so với cùng kỳ.

b. Lợi nhuận sau thuế dự kiến: -1.394,311 tỷ đồng trong đó:

- Từ hoạt động SXKD: -711,884 tỷ đồng gồm:

+ 02 Công ty CP VTĐS: Hà Nội và Sài Gòn (đã tính đến ảnh hưởng từ dự án 7000 tỷ và dịch COVID-19 dự kiến hết tháng 6 công bố hết dịch) lỗ: - 618,290 tỷ đồng;

+ Công ty Mẹ (theo kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2020 được Ủy ban Vốn phê duyệt tại Quyết định số 19/QĐ-UBQLV ngày 09/01/2020 trong đó đã tính một phần ảnh hưởng từ dự án 7000 tỷ và chưa điều chỉnh theo ảnh hưởng từ dịch COVID-19) lỗ: - 168,400 tỷ đồng;

+ 20 Công ty CPĐS lãi: + 69,596 tỷ đồng;

+ 03 Công ty cổ phần khối công nghiệp, cơ khí (chưa tính ảnh hưởng do dịch COVID-19 đến hoạt động đầu tư của các Công ty CP VTĐS) lãi: + 4,811 tỷ đồng.

- Xử lý tồn tại tài chính từ những năm trước chuyển sang của Công ty Mẹ, chi phí phải trả, các khoản trích lập dự phòng dự kiến hạch toán đưa vào chi phí trong năm 2020 là 682,427 tỷ đồng, gồm:

+ Các khoản chi phí phải trả: 394,389 tỷ đồng (tiền thuế đất tại 551 Nguyễn Văn Cừ: - 341,159 tỷ đồng (đã bao gồm tiền phạt chậm nộp) và chi phí lãi vay Ray Áo đến năm 2018: 53,230 tỷ đồng);

+ Các khoản trích lập dự phòng: 229,227 tỷ đồng (dự phòng phải thu khó đòi: - 108,489 tỷ đồng; đầu tư tài chính vào công ty con lỗ: - 120,738 tỷ đồng);

+ Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản theo qui định phải hạch toán vào chi phí nhưng chưa có nguồn thu bù đắp: 58,811 tỷ đồng.

- Hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách với nhà nước; phấn đấu đảm bảo đủ việc làm và thu nhập cho người lao động;

- Nhiệm vụ trọng tâm:

+ Tập trung chỉ đạo triển khai hiệu quả nhiệm vụ SXKD của Tổng công ty năm 2020, đặc biệt chú trọng đến hoạt động SXKD vận tải. Chú trọng phát triển vận chuyển hàng hóa. Xây dựng Biểu đồ chạy tàu và các biện pháp tổ chức chạy tàu trên từng khu đoạn, tuyến đường: theo từng thời điểm, mùa vụ cho phù hợp, đặc biệt trong giai đoạn phòng chống dịch COVID-19; Quan tâm xây dựng các hành trình chạy tàu hợp lý, tận dụng tối đa thời gian không phong tỏa khu gian khi triển khai 04 dự án quan trọng, cấp bách sử dụng gói 7000 tỷ đồng từ nguồn dự phòng của kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020;

+ Tiếp tục kiểm chế và giảm dần tai nạn giao thông đường sắt, phấn đấu giảm so với năm 2019 ít nhất là 5% trên cả 3 tiêu chí: số vụ tai nạn, số người chết và số người bị thương;

+ Tập trung triển khai "Đề án Cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2017-2020" ngay khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty để phù hợp với Luật Đường sắt 2017, các văn bản dưới Luật. Xây dựng, bổ sung hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên nhằm đáp ứng yêu cầu mô hình tổ chức quản trị mới sau tái cơ cấu, tăng cường năng lực và hiệu quả trong SXKD của Tổng công ty;

+ Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn sự nghiệp kinh tế (SNKT) cho quản lý, bảo trì KCHTĐS, xây dựng phương án tác nghiệp kỹ thuật cầu đường, thi công cơ giới theo hướng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư;

+ Tiếp tục chủ động, tích cực giải trình với Chính phủ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được phê duyệt "Đề án Quản lý, sử dụng, khai thác tài sản KCHTĐS quốc gia do Nhà nước đầu tư" theo Nghị định 46/2018/NĐ-CP và giải quyết các vướng mắc khi xử lý chuyển tiếp. Thực hiện các nội dung của thỏa thuận hợp tác với các đối tác nhằm cải thiện chất lượng, nâng cao hiệu quả sử dụng của hệ thống KCHTĐS không liên quan trực tiếp đến chạy tàu sau khi Đề án được phê duyệt;

+ Triển khai kế hoạch vốn năm 2020 và tiếp tục làm việc với Bộ GTVT, Ủy ban Vốn và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để được giao kế hoạch đầu tư công trung hạn. Tích cực phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và các Chủ đầu tư (PMU Rail và Ban 85) để triển khai thực hiện các dự án đầu tư KCHTĐS thuộc gói 7.000 tỷ đồng, đảm bảo đúng tiến độ và hạn chế tối đa ảnh hưởng đến hoạt động vận tải đường sắt.

2. Kế hoạch đầu tư phát triển.

a. Nguồn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước.

- Hoàn thành kế hoạch vốn năm 2019 đảm bảo thời hạn giải ngân;
- Triển khai kế hoạch vốn năm 2020 là 34,484 tỷ đồng cho thực hiện đầu tư dự án “Cải tạo, nâng cấp tải trọng các cầu yếu còn lại trên tuyến ĐS Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh”, dự án Xây dựng các hạng mục công trình thuộc giai đoạn 2 Kế hoạch 1856 theo lệnh khẩn cấp hoàn thành trong năm 2020;
- Triển khai các công trình theo Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ:

+ Hoàn thiện các thủ tục có liên quan để kết thúc dự án, quyết toán dự án hoàn thành Dự án nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường ngang năm 2019 theo Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 (52 công trình đường ngang);

+ Triển khai Dự án nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường ngang năm 2020 theo Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 (19 công trình gồm 78 đường ngang nâng cấp từ đường ngang biển báo lên đường ngang cảnh báo tự động).

b. Nguồn vốn của Tổng công ty: (các dự án đầu tư từ nhóm B trở lên).

Triển khai các dự án đầu tư phương tiện vận tải của Công ty Mẹ (các dự án lắp ráp đầu máy) và các Công ty CP VTĐS (các dự án đầu tư phương tiện vận tải): 602,8 tỷ đồng gồm (*chi tiết theo phụ lục gửi kèm*):

- Dự án chuyển tiếp năm 2018 sang: 186,8 tỷ đồng;

- Dự án đầu tư mới năm 2020: 416,0 tỷ đồng;

+ 2,0 tỷ từ nguồn khấu hao TSCĐ;

+ 414,0 tỷ dự kiến huy động từ các nhà đầu tư cho dự án đóng mới toa xe.

c. Nguồn vốn xã hội hóa: Sau khi "Đề án Quản lý, sử dụng, khai thác tài sản KCHTĐS quốc gia do Nhà nước đầu tư" được phê duyệt, tích cực hoàn thiện các thủ tục để triển khai các công trình theo thỏa thuận với các đối tác theo quy định.

III. Giải pháp thực hiện.

1. Về sản xuất kinh doanh.

a. Về cung cấp dịch vụ điều hành GTVT đường sắt và dịch vụ hỗ trợ.

- Tổ chức điều hành GTVT phù hợp tình hình ứng phó, phòng chống dịch COVID-19: Phối hợp với các Công ty CP VTĐS tổ chức chạy tàu phù hợp với nhu cầu vận tải bị sụt giảm mạnh do dịch, cắt giảm tàu khu đoạn khi lượng khách sụt giảm, tăng ga đỗ các tàu đường dài phục vụ hành khách, tăng cường tổ chức chạy tàu hàng chuyên tuyến Bắc - Nam để bù đắp sụt giảm hành khách. Triển khai phương án vận chuyển hàng hóa liên vận quốc tế khi không chạy tàu

khách do dịch COVID-19;

- Tổng công ty không xây dựng biểu đồ chạy tàu mới năm 2020, mà điều chỉnh cục bộ biểu đồ chạy tàu năm 2019 để phù hợp với nhu cầu chạy tàu của các Công ty CP VTĐS, khi khắc phục sự cố gây tắc đường và kế hoạch phong tỏa khu gian, đặc biệt khi triển khai các dự án đầu tư KCHTĐS thuộc gói 7.000 tỷ đồng;

- Tiếp tục nghiên cứu áp dụng một số biện pháp để giảm chi phí, hạ giá thành dịch vụ điều hành GTVT như: Tiếp tục thực hiện giao khoán kế hoạch chi phí sản xuất kinh doanh năm 2020 như phương án của năm 2019, hướng tới giao khoán cả quỹ tiền lương cho các đơn vị; hợp lý hóa việc bố trí nhân lực tại các ga thực hiện các dịch vụ hỗ trợ như bán vé, đón tiễn khách, xếp dỡ hàng hóa... để hỗ trợ giảm nhân lực của khối vận tải; tiếp tục hiện đại hóa, đẩy mạnh việc áp dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý và điều hành GTVT đường sắt; Bổ sung, hoàn thiện các tính năng của phần mềm quản trị hàng hóa cho phù hợp với thực tế phát sinh để tạo thuận lợi cho các Công ty CP VTĐS hoạt động.

b. Cung cấp sức kéo.

- Tập trung khai thác đầu máy hiệu quả để giảm chi phí nhiên liệu góp phần giảm chi phí sức kéo và tuân thủ quy định về tác nghiệp đoàn tàu để đảm bảo an toàn chạy tàu. Tiếp tục thực hiện quay vòng dài đầu máy kéo tàu khách Thống nhất Hà Nội - Sài Gòn không thay đầu máy, triển khai rộng rãi với cả 05 đôi tàu khách Thống nhất chạy tàu hàng ngày. Phân bổ sức kéo hợp lý các khu vực để giảm chi phí và đảm bảo việc làm của người lao động các Xí nghiệp đầu máy. Đưa dự án đầu tư thiết bị hóa nghiệm dầu bôi trơn cho 05 chi nhánh Xí nghiệp đầu máy vào sản xuất để nâng cao chất lượng đầu máy kéo tàu;

- Rà soát, đánh giá định kỳ việc thực hiện định mức nhiên liệu đầu máy kéo tàu và điều chỉnh (nếu cần thiết) nhằm phù hợp với thực tế vận dụng đoàn tàu. Tiếp tục nghiên cứu phương án đầu tư hoặc thuê đầu máy để cung cấp đủ sức kéo cho vận tải mà vẫn đảm bảo hiệu quả SXKD của Công ty Mẹ.

c. Kinh doanh KCHTĐS không liên quan trực tiếp đến chạy tàu.

- Sau khi "Đề án Quản lý, sử dụng, khai thác tài sản KCHTĐS quốc gia do Nhà nước đầu tư" được phê duyệt, tích cực triển khai các hoạt động khai thác, kinh doanh hệ thống KCHTĐS do Tổng công ty quản lý. Xây dựng và triển khai kế hoạch bảo trì, sửa chữa các tài sản cho thuê nhằm đảm bảo duy trì và nâng cao chất lượng tài sản cho thuê;

- Tiếp tục triển khai công tác xã hội hoá, thu hút các nguồn vốn đầu tư vào KCHTĐS, đặc biệt đối với các đối tác có hoạt động hợp tác bị gián đoạn do vướng mắc khi xử lý chuyển tiếp Nghị định 46/2018/NĐ-CP;

- Nghiên cứu, phát triển, đa dạng hóa dịch vụ hỗ trợ tại các ga để tăng doanh thu từ dịch vụ gia tăng ngoài vận tải; tích cực thực hiện các hạng mục phát triển dịch vụ quảng cáo.

d. Quản lý nguồn vốn SNKT và tài sản KCHTĐS.

- Khẩn trương triển khai thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì KCHTĐS năm 2020. Ưu tiên bố trí vốn nâng cao chất lượng KCHTĐS tại các ga hành khách lớn, các bãi hàng... chưa huy động được nguồn xã hội hóa;

- Tổ chức rà soát lại Công lệnh tốc độ, Công lệnh tải trọng trên các tuyến đường để có các giải pháp đầu tư nhằm nâng dần tốc độ, ban hành công lệnh tốc độ mới phù hợp với trạng thái KCHTĐS; duy trì hiệu quả công tác đo kiểm tra đường bằng máy đo EM120 trên 6 tuyến đường sắt mỗi quý một lần; tăng cường công tác kiểm tra hiện trường, quản lý chặt chẽ chất lượng công trình.

e. Về Vận tải.

- Các Công ty CP VTĐS tập trung thực hiện các biện pháp để phòng chống dịch COVID-19 tại các nhà ga và trên các đoàn tàu đảm bảo việc phòng chống dịch trong tầm kiểm soát. Theo dõi sát sao tình hình dịch bệnh để tổ chức sản xuất phù hợp, giảm thiểu ảnh hưởng của dịch bệnh đến hiệu quả SXKD. Tích cực làm việc với các cấp có thẩm quyền để được giải quyết các kiến nghị (về trả nợ gốc, lãi vay; phí sử dụng KCHTĐS...) giúp tháo gỡ khó khăn do SXKD bị ảnh hưởng bởi dịch. Chuẩn bị sẵn sàng phương án tổ chức chạy tàu sau khi công bố hết dịch;

- Tích cực nghiên cứu triển khai các giải pháp hợp lý hóa sản xuất để giảm giá thành, giá cước nhằm thu hút khách hàng, từng bước nâng cao thị phần vận tải. Tiếp tục xây dựng và thực hiện chính sách giá cước linh hoạt và tập trung đẩy mạnh các chương trình khuyến mãi, chú trọng chất lượng dịch vụ hậu mãi, phát triển nhanh đại lý bán vé trực tuyến. Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các chính sách để tìm kiếm các đối tác tham gia ký kết hợp đồng khai thác nguyên toa trên các tuyến đường sắt;

- Phân tích, nghiên cứu thị trường để lựa chọn đưa ra những sản phẩm dịch vụ mới phù hợp với tuyến, khu đoạn và khai thác hiệu quả phương tiện vận chuyển đáp ứng nhu cầu về luồng hàng, luồng khách và đảm bảo hiệu quả kinh doanh;

- Theo dõi chặt chẽ công tác dỡ hàng, phối hợp xây dựng kế hoạch xếp xe xếp phù hợp, tránh đọng dỡ nâng cao hiệu suất sử dụng toa xe, tăng sản lượng doanh thu. Rà soát các toa xe chờ thanh lý đưa ra khỏi đường sắt để lấy đường đón tàu, cũng như hạn chế việc dón đảo xe, gây lãng phí. Thực hiện nghiêm các tác nghiệp và cập nhật số liệu đầy đủ, kịp thời, chính xác trên phần mềm lõi quản trị hàng hóa để đảm bảo sử dụng phần mềm hiệu quả và phục vụ tốt công tác điều hành trên hệ thống;

- Tiếp tục đẩy mạnh khai thác hành lý, hàng hóa nối theo tàu khách đặc biệt là trong các mùa thấp điểm các tàu còn chiều dài để tận thu. Hoàn thiện và phát triển dịch vụ vận chuyển hàng lẻ, bưu kiện từ nhà đến nhà. Đẩy mạnh khai thác hàng hóa Liên vận quốc tế: vận chuyển hoa quả, hàng thủy sản bằng container lạnh từ phía Nam đi thẳng sang Trung Quốc; chủ động tìm kiếm và khai thác nguồn hàng xuất, nhập khẩu vận chuyển giữa Việt Nam - Trung Quốc và đi các nước thứ 3, tiến tới đưa hàng xuất khẩu sang Châu Âu, Nga...;

- Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông từ khâu đào tạo nhân lực đến tổ chức thực hiện, đảm bảo truyền thông và chăm sóc khách hàng phải quảng bá được sản phẩm của đơn vị một cách sâu rộng, hỗ trợ tối đa cho kinh doanh, đồng thời giải quyết thỏa đáng những thắc mắc của hành khách, đáp ứng tối đa những nhu cầu phát sinh sau khi sử dụng dịch vụ của đường sắt, làm cho khách hàng tin tưởng và lựa chọn phương tiện đường sắt;

- Tăng cường phát triển các loại hình dịch vụ đang có thể mạnh: Hợp tác kinh doanh khai thác mặt bằng hiện có; cho thuê vị trí quảng cáo (trên các phương tiện vận tải, trang web); dịch vụ trên tàu...

g. Về quản lý, bảo trì KCHTĐS.

- Triển khai thực hiện hợp đồng đặt hàng quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia năm 2020 đảm bảo tiến độ, chất lượng và thi công đúng phương án tác nghiệp kỹ thuật được duyệt; đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, từng bước nâng cao chất lượng cầu đường. Nghiên cứu, cân đối nguồn vốn để đầu tư máy móc thiết bị thay thế lao động thủ công;

- Làm tốt công tác phòng chống lụt bão, chuẩn bị vật tư, thiết bị sẵn sàng ứng phó và khắc phục hậu quả bão lũ trong thời gian sớm nhất. Siết chặt kỷ cương làm việc trong các hệ cầu đường, chắn đường ngang để giữ vững an toàn chạy tàu, an toàn lao động;

- Chủ động tiếp xúc với các đối tác ngoài ngành để tìm kiếm việc làm... đặc biệt là các gói thầu của dự án 7.000 tỷ đồng dự kiến triển khai trong năm nhằm tăng sản lượng, doanh thu ngoài công ích, đảm bảo việc làm, đời sống cho người lao động và hoàn thành các chỉ tiêu SXKD chung đề ra.

h. Về Công nghiệp và cơ khí.

- Bám sát các dự án đầu tư phương tiện vận tải của Tổng công ty để tham gia thực hiện ngay từ khi có chủ trương đầu tư đặc biệt các dự án thay thế toa xe hết niên hạn sử dụng, toa xe thanh lý;

- Hoàn thành dự án hợp tác liên kết với tập đoàn JINXIN đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng để gây dựng thương hiệu, mở ra cơ hội hợp tác phát triển công nghiệp đường sắt. Chủ động, tích cực tìm hiểu, nghiên cứu nhu cầu sản

phẩm cơ khí của các đơn vị trong và ngoài ngành để đa dạng hóa mặt hàng, mở rộng thị trường.

2. Về tài chính.

- Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của Tổng công ty làm tốt vai trò trong việc định hướng doanh nghiệp theo mục tiêu đề ra năm 2020 của Tổng công ty. Chủ động, tích cực tham gia vào hoạt động SXKD của đơn vị để góp phần cùng đơn vị mở rộng thị trường, củng cố thương hiệu Đường sắt Việt Nam, sử dụng hiệu quả vốn của Tổng công ty đầu tư tại doanh nghiệp;

- Tập trung giải quyết dứt điểm những vướng mắc về tài chính của năm trước (thuế đất...).

3. Về thông tin, truyền thông.

- Đổi mới và đa dạng hóa hoạt động truyền thông của Tổng công ty để thông tin về hoạt động SXKD, các sản phẩm dịch vụ của Tổng công ty đến với khách hàng đầy đủ, nhanh chóng và chính xác;

- Tiếp tục duy trì có hiệu quả công tác tuyên truyền cho người lao động về các chế độ, chính sách có liên quan đến lao động trong ngành như: Luật Đường sắt 2017 và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản quy phạm nội bộ, thông báo các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành có liên quan đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp...

4. Về nguồn nhân lực.

- Nghiên cứu khảo sát, triển khai xây dựng phần mềm Quản trị nhân sự của Tổng công ty nhằm nâng cao chất lượng, hiệu suất, hiệu quả trong lĩnh vực tổ chức quản trị nhân sự, lao động và tiền lương của Công ty Mẹ; Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách lao động tiền lương các đơn vị trực thuộc;

- Sửa đổi, bổ sung Quy định tạm thời quản lý người giữ chức danh Người quản lý và người giữ chức vụ Lao động quản lý (ban hành kèm theo Quyết định số 1486/QĐ-ĐS ngày 18/10/2016) và Quy trình giới thiệu, bổ nhiệm cán bộ đối với nguồn nhân sự tại chỗ;

- Tiếp tục nghiên cứu thực hiện dự án Xây dựng Trung tâm thí nghiệm trọng điểm tại Trường Cao đẳng Đường sắt.

5. Về khoa học công nghệ.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch khoa học công nghệ năm 2020 của Tổng công ty. Thử nghiệm thí điểm các công trình, sản phẩm ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất;

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, thông tin vào các lĩnh vực sản

xuất kinh doanh để nâng cao chất lượng dịch vụ, năng suất lao động. Ban hành và từng bước triển khai Đề án “Ứng dụng khoa học công nghệ trong Tổng công ty Đường sắt Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.

6. Về quản lý điều hành.

- Triển khai kịp thời kế hoạch SXKD các mặt, kế hoạch các nguồn vốn và chương trình, nhiệm vụ các lĩnh vực công tác của Tổng công ty năm 2020. Giám sát, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch để kịp thời xử lý những vướng mắc phát sinh đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu được giao;

- Tiếp tục làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý dứt điểm những vướng mắc liên quan đến tiền thuê đất tại 551 Nguyễn Văn Cừ, Gia Lâm và 31 Láng Hạ, Hà Nội; Giải quyết các tồn tại về tài chính của năm trước;

- Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong các lĩnh vực (nếu có) theo quy định của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo, Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

- Tăng cường công tác kiểm tra, đưa nội dung phòng chống tham nhũng vào kế hoạch kiểm tra nội bộ nhằm đảm bảo hoạt động SXKD được minh bạch, hiệu quả, giảm thiểu nguy cơ tham nhũng, góp phần tăng cường pháp chế, tôn trọng và triệt để thực hiện pháp luật;

- Kiểm tra, đánh giá kết quả phong trào thi đua của các đơn vị, tổ chức bình xét danh hiệu thi đua năm 2020 kịp thời, công bằng theo quy định; Tăng cường giám sát thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và an sinh xã hội; tập trung xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết trong các cơ quan, đơn vị từ Tổng công ty đến các doanh nghiệp thành viên, liên kết để thu hút người lao động;

- Kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh ga tàu đảm bảo sức khỏe cho hành khách đi tàu đặc biệt trong thời gian dịch COVID-19 đang diễn biến phức tạp. Tăng cường công tác phòng chống dịch theo mùa, dịch phát sinh trong mùa mưa bão; sẵn sàng dập dịch và khắc phục hậu quả lũ lụt.

7. Về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường sắt (ATGTĐS).

- Đổi mới, linh hoạt trong công tác kiểm tra ATGTĐS. Chú trọng kiểm tra đột xuất, đảm bảo kiểm tra có trọng tâm, đúng trọng điểm. Gắn trách nhiệm của cán bộ kiểm tra, đơn vị được kiểm tra với kết quả kiểm tra và xử lý sau kiểm tra. Xử lý nghiêm, kịp thời đối với các tập thể, cá nhân vi phạm, liên quan, liên đới,...;

- Tiếp tục, rà soát kiện toàn bộ máy làm công tác quản lý ATGTĐS các cấp; nâng cao chất lượng công tác điều tra, phân tích tai nạn, sự cố GTĐS. Xây dựng lực lượng cứu hộ GTĐS với cơ cấu hợp lý, tinh gọn và hiệu quả; đầu tư

mua sắm, duy trì chế độ bảo trì thiết bị, phương tiện cứu hộ GTĐS. Tiếp tục rà soát lại hệ thống hạ tầng, thông tin tín hiệu, trang thiết bị liên quan đến công tác tổ chức chạy tàu để bổ sung, cải tạo kịp thời, phù hợp;

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong thực hiện các giải pháp đảm bảo ATGTĐS, trong quản lý và kiểm soát về ATGTĐS. Tổ chức đào tạo, đào tạo lại để lực lượng lao động nhanh chóng tiếp cận, làm chủ các công nghệ, thiết bị mới khi đưa vào sử dụng. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác sát hạch chuyên môn, nghiệp vụ đối với lực lượng trực tiếp làm công tác chạy tàu;

- Đổi mới và tăng cường phối hợp với các cơ quan truyền thông, cơ quan chức năng để tuyên truyền các quy định của pháp luật về đảm bảo trật tự, ATGTĐS. Chủ động nghiên cứu, khai thác, sử dụng có hiệu quả mạng xã hội để tuyên truyền về trật tự an toàn GTĐS. Chủ động, phối hợp tốt với chính quyền địa phương để thực hiện Nghị định 65/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Quy chế phối giữa Bộ GTVT và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc bảo đảm trật tự an toàn GTĐS tại các điểm giao cắt đồng mức giữa đường bộ và đường sắt. Phối hợp với các địa phương rà soát, xây dựng lộ trình giảm dần, xóa bỏ các lối đi tự mở trong từng giai đoạn;

- Vận động các tổ chức, cá nhân hưởng ứng thực hiện việc xã hội hóa công tác đảm bảo trật tự an toàn GTĐS, hiến kế đưa ra các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn GTĐS.

PHỤ LỤC V

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP
ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

**TỔNG CÔNG TY
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

MST: 0100105052

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Năm báo cáo: 2019

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

BIỂU SỐ 1

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
CỦA TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện			
			2016	2017	2018	2019
1	Sản phẩm chủ yếu					
a	Tấn xếp	Tấn	5.147.480	5.559.015	5.664.036	5.128.774
b	TKM	1000 Tkm	3.198.180	3.574.704	3.989.675	3.742.287
c	HK	HK	9.827.299	9.518.374	8.687.402	8.082.276
d	HKKm	1000 HKKm	3.421.636	3.657.308	3.542.056	3.185.103
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	6.753,30	6.982,59	7.755.571	7.738.141
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	173,48	116,97	145,75	180,97
4	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	826	991	914	1.143
5	Kim ngạch XK	Tỷ đồng	-	-	-	-
6	Sản phẩm dịch vụ công ích	Tỷ đồng	2.166	2.185	2.565	2.740
7	Kế hoạch đầu tư phát triển					
-	Nguồn Ngân sách	Tỷ đồng				
	+ Vốn Đầu tư PT	Tỷ đồng	761,169	216,806	190,0	21.887
	+ Vốn SNKT	Tỷ đồng	110,0		170,0	463.464
-	Vốn vay	Tỷ đồng				
-	Vốn Tổng công ty	Tỷ đồng	297,1	586,2	138,5	-

8	Tổng lao động	Người	27.490	26.606	25.578	24.772
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	2.583,1	2.385,6	2.514,3	2.645,3
-	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	40,5	41,6	40,0	43,2
-	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	2.542,6	2.328,8	2.460,0	2.588,4

Ghi chú: Doanh thu và lợi nhuận trước thuế là số theo báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty đã được kiểm toán.

2. Tình hình thực hiện đầu tư các dự án trọng điểm của Tổng công ty, những khoản đầu tư lớn.

2.1. Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước.

a. Kế hoạch đầu tư công trung hạn được Tổng công ty xây dựng và triển khai theo đúng qui định của Luật Đầu tư công, Nghị Quyết của Quốc hội, Chính phủ và văn bản hướng dẫn của Bộ ngành, khắc phục được tình trạng bố trí dàn trải, không hiệu quả, tập trung vào các vấn đề trọng tâm, trọng điểm như giải quyết nợ cho nhà thầu, tập trung hoàn thành các dự án chuyển tiếp và các gói thầu chuyển tiếp, hiện tại vốn được bố trí cho Tổng công ty như sau:

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch hàng năm (tỷ đồng)			
		2016	2017	2018	2019
1	Vốn cấp theo kế hoạch năm	308,300	216,806	190,000	57,000
2	Vốn ứng trước trả nợ đọng XDCB	452,869			

b. Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn rất hạn chế, do vậy vốn bố trí chỉ đáp ứng trả nợ đọng xây dựng cơ bản còn tồn trong giai đoạn 2011 - 2015 và bố trí cho các dự án chuyển tiếp còn dở dang, đến nay Tổng công ty đã đạt được những kết quả sau đây:

- Hoàn thành 100% trả nợ đọng XDCB: Tổng số nợ XDCB tính đến hết 31/12/2015 là 584,521 tỷ đồng của 03 dự án (Dự án “Xây dựng mới 3 cầu theo lệnh khẩn cấp: Đồng Nai, Tam Bạc, Thị Cầu” bố trí: 172,0 tỷ đồng; “Xây dựng các hạng mục công trình thuộc giai đoạn 2 kế hoạch 1856 theo lệnh khẩn cấp” bố trí: 385,145 tỷ đồng; Dự án “Lập lại trật tự HLAT trên các tuyến đường sắt theo Kế hoạch 1856 giai đoạn 2 (2009 - 2013) TDA 1” bố trí 27,376 tỷ đồng);

- Hoàn thành dự án “Gia cố đảm bảo an toàn cầu Long Biên đến năm 2025” tổng số vốn được bố trí là 230,843 tỷ đồng, trong đó vốn trung hạn 2016 - 2020 là 170,720 tỷ đồng;

- Hoàn thành Dự án Cầu Ghềnh với tổng vốn bố trí 298,5 tỷ đồng;

- Tiếp tục triển khai dự án chuyển tiếp "Cải tạo, nâng cấp tải trọng các cầu yếu còn lại trên tuyến đường sắt Hà Nội - Tp.HCM", số vốn được bố trí trong trung hạn là 454,302 tỷ đồng. Đến nay, đã hoàn thành 105/134 cầu (bao gồm 02 cầu bổ sung dự án), giá trị khối lượng hoàn thành đến hết năm 2018 là 1.167,975/1.432,799 tỷ đồng tổng mức đầu tư được phê duyệt. Dự án được bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 là 454,302 tỷ đồng, đã bố trí kế hoạch trung hạn 2016 - 2020 hết năm 2018 là 330,949 tỷ đồng, kế hoạch trung hạn sẽ tiếp tục giao 73,353 tỷ đồng để hoàn thành 04 cầu.

Do có nhiều vấn đề liên quan trong việc chuyển giao đại diện chủ sở hữu giữa Bộ GTVT và Ủy ban Vốn, theo đó Bộ GTVT thông báo kế hoạch vốn năm 2019 cho Tổng công ty vào cuối tháng 11/2019, Tổng công ty đã khẩn trương triển khai để kịp tiến độ giải ngân;

- Tổng số vốn được bố trí là 13,918 tỷ đồng cho 5 dự án chuyển tiếp để trả nợ khối lượng tư vấn hoàn thành. Các dự án này được cấp có thẩm quyền cho phép chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2012. Tuy nhiên, do không có vốn hoặc không được phê duyệt nên các dự án đều dừng nghiên cứu, toàn bộ số vốn này sẽ được giải ngân trong năm 2020.

c. Tình hình thực hiện Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng chính phủ về đảm bảo ATGTĐS:

- Đối với các dự án đầu tư xây dựng: *Công tác đền bù giải tỏa hành lang an toàn đường sắt; cấm mốc hành lang ATGTĐS; dự án Xây dựng, hệ thống đường gom và hàng rào cách ly; dự án xây dựng cầu đường bộ tách khỏi cầu chung đường sắt; dự án xây dựng các cầu trên quốc lộ vượt đường sắt Quốc gia; hoàn thành xây dựng 23 đường ngang, 27,96 km đường gom, 17,3 km rào cách ly đang thực hiện dở dang thuộc công trình khẩn cấp giai đoạn 2 Kế hoạch 1856.* Các dự án này, Tổng công ty đã lập dự án đầu tư xây dựng từ trước năm 2014, tiến độ theo Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng chính phủ, đến năm 2017 cơ bản hoàn thành các hạng mục công trình. Tuy nhiên, do nguồn vốn NSNN trung hạn 2016 - 2020 không được bố trí, nên các dự án đang tạm dừng. Riêng hạng mục xây dựng đường gom, hàng rào cách ly để đóng các lối đi tự mở, triển khai thực hiện 04 dự án 7000 tỷ, Bộ GTVT dự kiến thực hiện 24 km hàng rào đường gom; các hạng mục còn lại Cục ĐSVN đã lập đề án báo cáo Thủ tướng Chính phủ để triển khai thực hiện;

- Đối với nguồn vốn NSNN chi hoạt động kinh tế để thực hiện nâng cấp, cải tạo đường ngang theo Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng chính phủ: Từ năm 2017 đến nay được bố trí 650 tỷ đồng, Tổng công ty đã và đang triển khai thực hiện 370 đường ngang/452 đường ngang;

- Về giải ngân: Dự kiến đến hết năm 2020 sẽ giải ngân hết 100% vốn được giao theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2.2. Nguồn vốn của Tổng công ty và các Công ty con.

- Nguồn vốn tự huy động là 1.989,8 tỷ đồng, chủ yếu dùng cho đầu tư phương tiện, thiết bị vận tải (đầu máy, toa xe...). Từ năm 2016 đến nay đã hoàn thành đóng mới và đưa vào khai thác 150 toa xe khách chất lượng cao với tổng mức đầu tư 1.552,3 tỷ đồng; 300 toa xe Mc với tổng mức đầu tư 347 tỷ đồng và nâng cấp 37 toa xe khách với tổng mức đầu tư 90,5 tỷ đồng;

- Nguồn vốn thu hút từ xã hội hóa:

+ Giai đoạn 2016 - 2020: Dự kiến thu hút 1.241,960 tỷ đồng để đầu tư vào các bãi hàng (ga Yên Viên, ga An Bình, ga Đông Anh, ga Xuân Giao) và các nhà ga hành khách lớn như Hà Nội, Sài Gòn;

+ Đến nay đã hoàn thành và đưa vào khai thác bãi hàng ga Đông Anh, bãi hàng ga Yên Viên Nam, bãi hàng đường 15,16 và hệ thống kho ga Yên Viên với tổng vốn huy động là 141,0 tỷ đồng. Các dự án khác hiện đang tạm dừng do chờ phê duyệt "Đề án Quản lý, sử dụng, khai thác tài sản KCHTĐS quốc gia do Nhà nước đầu tư" theo Nghị định 46/2018/NĐ-CP.

2.3. Những thay đổi chủ yếu trong 3 năm.

Tổng công ty tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính là vận tải hàng hóa và hành khách bằng đường sắt, trong giai đoạn 2016 - 2019 Tổng công ty đã triển khai các biện pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ từ khâu tổ chức sản xuất đến chất lượng nhân lực và đã có một số thay đổi cơ bản như sau:

a. Về KCHTĐS:

- Hàng năm, Tổng công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch bảo trì KCHTĐS quốc gia, quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí được cấp, duy trì ổn định trạng thái kỹ thuật KCHTĐS, giữ vững công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ cầu đường. Ưu tiên nghiên cứu bố trí vốn nâng cao chất lượng KCHTĐS tại điểm đen về ATGT, nút thắt về KCHTĐS, các ga hành khách lớn. Từ đó, đã duy trì được chất lượng các tuyến ĐS hiện có, tỷ lệ điểm xóc lắc bình quân/km giảm mạnh từng năm. Tốc độ kỹ thuật cầu đường trên tuyến Hà Nội - TP.Hồ Chí Minh hiện nay hầu hết đạt từ 70 km/h trở lên, đã có trên 100 km có tốc độ kỹ thuật cầu đường đạt 100 km/h, gần 1.000 km có tốc độ chạy tàu kỹ thuật là 80 km/h. Ngoài việc đưa vào khai thác thêm ke ga cao, mái che ke ga tại các nhà ga lớn, Tổng công ty đã hoàn thành kiểm định xong 111 cầu yếu khu đoạn Đà Nẵng - Sài Gòn đúng tiến độ;

- Tổng công ty đã chủ động trình Chính phủ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cho phép đầu tư và cấp vốn thực hiện các dự án ATGTĐS,

nhằm hạn chế những điểm đen về tai nạn giao thông; hoàn thành lắp đặt toàn bộ đường ngang cảnh báo tự động, có cần chắn tự động theo kế hoạch đề ra.

b. Về vận tải:

- Giá điều hành GTVTĐS, dịch vụ sức kéo và các dịch vụ hỗ trợ liên quan, trên mạng đường sắt quốc gia do Tổng công ty quản lý đã được xây dựng trên cơ sở tính toán đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty Mẹ và các Công ty CP VTĐS. Áp dụng chính sách chiết khấu giảm giá, để khuyến khích các Công ty CP VTĐS tăng cường khai thác thêm chân hàng, luồng hàng mới, thúc đẩy SXKD; đồng thời thực hiện giảm giá cho các đoàn tàu duy trì tuyến, để bảo vệ tài sản KCHTĐS quốc gia và các đoàn tàu phục vụ an sinh xã hội. Với mục đích nâng cao chất lượng dịch vụ điều hành GTVT, Tổng công ty đã lắp đặt toàn bộ camera hỗ trợ giám sát công tác đảm bảo an ninh trật tự (ANTT), ATGTĐS tại phòng trực ban chạy tàu, cabin đầu máy, trong và ngoài chòi gác đường ngang;

- Dịch vụ hỗ trợ vận tải tại các nhà ga được đẩy mạnh như: Triển khai lắp đặt thử nghiệm hệ thống wifi miễn phí tốc độ cao tại ga Hà Nội, lắp đặt cổng soát vé tự động tại ga Hà Nội, ga Đà Nẵng, ga Sài Gòn. Sắp xếp lại không gian bố trí kiosk, biển quảng cáo ... trong khu ga đảm bảo thông thoáng, hợp lý. Bổ sung, hoàn thiện hệ thống bán vé điện tử để hành khách tiếp cận dịch vụ dễ dàng, nhanh chóng hơn với nhiều kênh thanh toán (thẻ tín dụng, mã QRCode, MPOS, SmartPOS), mở rộng mô hình bán vé với các đối tác liên kết (đối tác thứ 3) - hiện có 5 đối tác;

- Các Công ty cổ phần vận tải đã có nhiều giải pháp để thúc đẩy SXKD:

+ Tổ chức quay chung toa xe, quay nhanh toa xe, vận dụng các ram chạy tàu Thống Nhất để chạy thêm các tàu khu đoạn; theo dõi sát sao luồng khách, chủ động cắt, nối xe phù hợp. Đóng mới, cải tạo nâng cấp và đưa vào khai thác 150 toa xe khách chất lượng cao, nâng cao chất lượng dịch vụ trên tàu, dưới ga như: Thay đổi tác phong, thái độ phục vụ của nhân viên đi tàu, khách hóa vận; đa dạng hóa suất ăn trên tàu, chấn chỉnh và nâng cao chất lượng công tác vệ sinh toa xe, ga gối,...;

+ Chủ động tiếp cận với luồng khách, luồng hàng tại các khu công nghiệp; có nhiều chính sách để thu hút các đối tác thuê nguyên toa, các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch. Một số sản phẩm, dịch vụ mới đưa vào khai thác như: Tàu chuyên tuyến chở container, liên vận quốc tế, tàu khách chặng ngắn đến các tỉnh có địa điểm du lịch lớn,... Đẩy mạnh khai thác hành lý, hàng hóa nối theo tàu khách; phát triển dịch vụ vận chuyển hàng lẻ, bưu kiện từ nhà đến nhà (Harapost).

c. Về tái cơ cấu:

- Tổng công ty đã xây dựng và hoàn thiện “Đề án Cơ cấu lại Tổng công ty

giai đoạn 2017 - 2020”, trong đó trọng tâm là phương án sắp xếp lại các Công ty VTĐS và các xí nghiệp đầu máy. Tổng công ty đã báo cáo, giải trình về Đề án nhiều lần theo yêu cầu của Bộ GTVT và sau khi bàn giao quyền chủ sở hữu về Ủy ban Vốn, Tổng công ty đã có tờ trình Ủy ban Vốn và Thủ tướng Chính phủ xin phê duyệt;

- Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và được Chính phủ ban hành tại Nghị định số 11/2018/NĐ-CP ngày 16/01/2018.

d. Về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

- Tổng công ty đã tích cực, chủ động phối hợp làm việc với các Bộ ngành liên quan để hoàn thiện Luật Đường sắt sửa đổi và được Quốc Hội thông qua năm 2017, đồng thời phối hợp xây dựng hệ thống văn bản dưới Luật gồm 04 Nghị định và 19 thông tư hướng dẫn thi hành theo kế hoạch của Bộ GTVT;

- Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định 11/2017/NĐ-CP phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Tổng công ty đã kịp thời sửa đổi, bổ sung, ban hành mới nội quy, quy chế nội bộ của Tổng công ty phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và các quy định mới của pháp luật.

đ. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng đến SXKD của Tổng công ty:

- Thuận lợi:

+ Tổng công ty luôn nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Chính phủ, Đảng ủy Khối DNTW, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Bộ GTVT,... Sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan liên quan, sự giúp đỡ của chính quyền và nhân dân các địa phương có đường sắt đi qua;

+ Người lao động trong Tổng công ty có truyền thống đoàn kết, lao động sáng tạo, luôn biết khắc phục vượt qua khó khăn, thách thức; cán bộ, đảng viên, công nhân viên tuyệt đối tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng, sự lãnh đạo của Đảng bộ, đặc biệt là sự tin tưởng, ủng hộ, tự nguyện đặt lợi ích chung lên trên quyền lợi của cá nhân trong suốt quá trình thực hiện tái cơ cấu và đổi mới toàn diện Tổng công ty;

+ Vận tải đường sắt ngày càng nhận được nhiều sự quan tâm, ủng hộ từ Chính phủ, các bộ ngành và nhân dân sau thời gian dài mất vị thế trong thị phần và đầu tư. Các dự án đường sắt quan trọng, cấp bách đầu tư bằng nguồn vốn dự phòng của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (Dự án gói 7.000 tỷ đồng) được triển khai trong năm 2020 sẽ giải quyết được một số nút

thất vận tải, đồng thời nâng cao ATGTĐS, giảm thiểu hậu quả của vi phạm ATGTĐS, ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của ngành. Đồng thời, cũng mang lại doanh thu cho các đơn vị của Tổng công ty trong những năm tới khi tham gia triển khai thực hiện các dự án của nguồn vốn này.

- Khó khăn:

+ Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách cho phát triển KCHTĐS rất khó khăn nên trong giai đoạn năm 2016 - 2019 không có dự án mới nào được triển khai thực hiện, chưa giải quyết triệt để các nút thắt về vận tải. Vốn huy động từ nhà đầu tư bên ngoài vào đường sắt rất hạn chế do mức đầu tư cao, thời gian hoàn vốn dài, khả năng sinh lời thấp và đặc biệt là cơ chế về quản lý, khai thác tài sản KCHTĐS do nhà Nước đầu tư chưa rõ ràng. "Đề án Quản lý, sử dụng, khai thác tài sản KCHTĐS quốc gia do Nhà nước đầu tư" chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nên việc kinh doanh KCHTĐS không liên quan trực tiếp đến chạy tàu không triển khai được, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động của Công ty Mẹ;

+ An toàn GTĐS vẫn chưa thực sự vững chắc, tuy giảm về số lượng nhưng lại gia tăng về mức độ nghiêm trọng và thiệt hại, đặc biệt là tai nạn tại các đường ngang, lối đi tự mở. Ý thức của người điều khiển các phương tiện tham gia giao thông khi đi qua đường sắt chưa tốt, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong công tác phối hợp đảm bảo trật tự an toàn GTĐS trên địa bàn chưa rõ nét;

+ Cạnh tranh quyết liệt trên thị trường vận tải về giá cước và chất lượng dịch vụ mà trong đó vận tải hàng không giá rẻ và đường bộ cao tốc vẫn còn là một thách thức lớn với vận tải đường sắt. Mặt khác, giá nhiên vật liệu và dịch vụ điện, nước tăng cũng làm ảnh hưởng lớn đến giá thành vận tải đường sắt, giảm sức cạnh tranh với các phương tiện vận tải khác. Bên cạnh việc phải cạnh tranh quyết liệt với các phương tiện vận tải khác thì Tổng công ty còn phải đương đầu với những khó khăn bất khả kháng ảnh hưởng lớn đến hoạt động vận tải như sập cầu Ghềnh năm 2016 gây sụt giảm hàng trăm tỷ đồng về doanh thu;

+ Nhiều khó khăn, vướng mắc trong SXKD đối với những nội dung tồn đọng phát sinh từ các giai đoạn trước do Nhà nước thay đổi cơ chế chính sách và những khó khăn vướng mắc của Tổng công ty sau khi chuyển giao đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước từ Bộ GTVT sang Ủy ban vốn vẫn chưa được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết. Quá trình thực hiện tái cơ cấu ít nhiều tác động đến tinh thần, đời sống của người lao động, do đó ảnh hưởng đến công tác điều hành, hiệu quả hoạt động SXKD chung của Tổng công ty;

+ Sức cạnh tranh của lĩnh vực vận tải đường sắt hiện nay còn yếu so với các lĩnh vực vận tải khác, dẫn đến khó có cơ hội tăng trưởng sản lượng vận tải. Tổng số lao động toàn Tổng công ty còn cao, ứng dụng KHCN và đầu tư máy móc thiết bị còn hạn chế nên năng suất lao động thấp, thu nhập chưa cao, thiếu

sức thu hút lao động vào một số ngành nghề đặc thù, đặc biệt là trong các doanh nghiệp vận tải và bảo trì KCHTĐS. Những bất cập về cơ cấu tổ chức, đặc biệt là khối vận tải, dẫn đến còn có sự cạnh tranh nội bộ, phát sinh nhiều nghiệp vụ đối chiếu thanh toán tác nghiệp làm ảnh hưởng đến kết quả SXKD chung của Tổng công ty. Trong khi đó, "Đề án Cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2017 - 2020" vẫn chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nên chưa khắc phục được những bất cập này.

e. Mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch đến năm 2025:

- Tập trung nâng cao hiệu quả việc quản lý, khai thác và kinh doanh hệ thống KCHTĐS hiện tại; tăng khả năng thu từ phí, giá cho thuê sử dụng KCHTĐS; giảm gánh nặng cho NSNN. Sau khi "Đề án Quản lý, sử dụng, khai thác tài sản KCHTĐS quốc gia do Nhà nước đầu tư" được phê duyệt, tích cực triển khai các hoạt động khai thác, kinh doanh hệ thống KCHTĐS do Tổng công ty quản lý, để nâng cao hiệu quả SXKD, như: Đầu tư kho hàng hóa, cảng ICD; đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống nhà ga hành khách, thí điểm các ga hành khách lớn theo hướng phát triển trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp do Tổng công ty quản lý. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá, thu hút các nguồn vốn đầu tư cho kinh doanh vận tải và đầu tư vào KCHTĐS, đặc biệt đối với các đối tác bị gián đoạn hợp tác trong giai đoạn 2016 - 2020 do vướng mắc khi xử lý chuyển tiếp Nghị định 46/2018/NĐ-CP”;

- Tăng cường vận tải hàng hóa, từng bước hỗ trợ cho vận tải hành khách đảm bảo doanh thu và hiệu quả SXKD. Nghiên cứu, đưa ra các giải pháp, phương án vận tải hành khách trên các đoạn tuyến trung bình, ngắn thay thế đường dài, giảm bớt các đoàn tàu hiệu quả thấp. Bám sát nhu cầu thị trường vận tải mở thêm tuyến mới để mở rộng thị trường; phát triển hệ thống bán hàng rộng khắp, chú trọng vào vùng thị xã, thị trấn và các hình thức hợp tác để thu hút luồng khách người nước ngoài;

- Tiếp tục đổi mới, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh bảo đảm cạnh tranh bình đẳng trên đường sắt. Tối ưu hóa công tác điều hành GTVT góp phần hạ giá thành vận tải và nâng cao tỷ lệ tàu khách đi đến đúng giờ. Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải đường sắt, đặc biệt tại các ga đầu mối vận tải; ứng dụng KHCN, sử dụng nhân lực hiệu quả,... nhằm giảm chi phí sản xuất để tăng khả năng cạnh tranh với các loại hình vận tải khác. Xúc tiến các biện pháp tháo gỡ các nút thắt cơ chế, chính sách để nâng cao sản lượng hàng hoá liên vận quốc tế đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng - Bằng Tường - Nam Ninh đến các địa phương khác của Trung Quốc, và đi các nước thứ 3; tiến tới đưa hàng xuất khẩu sang Nga, Châu Âu,...;

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học & công nghệ, đổi mới sáng tạo đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực đảm bảo gắn kết chặt chẽ với thực tế quản lý, sản xuất và kiểm soát về ATGTĐS của Tổng công ty, tạo động lực mạnh mẽ để nâng cao năng suất, chất lượng các công trình, sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và toàn Tổng công ty.

II. Tình hình đầu tư tại các công ty con.

BIỂU SỐ 2

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2016			Thực hiện năm 2017			Thực hiện năm 2018			Thực hiện năm 2019		
		Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)
	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối(cấp 2)												
1	CTCP Xe lửa Dĩ An	65	86,85	56	65	86,85	56	65	86,85	56	65	86,85	56
2	CTCP Xe lửa Gia lâm	36	68,20	17	36	68,20	17	36	68,20	17	36	68,20	17
3	CTCP Vận tải ĐS Hà Nội	801	91,62	734	801	91,62	734	801	91,62	734	801	91,62	734
4	CTCP Vận tải ĐS Sài Gòn	503	78,44	395	503	78,44	395	503	78,44	395	503	78,44	395
5	CTCP Đá Đồng Mô	7	51,00	3	7	51,00	3	7	51,00	3	7	51,00	3
6	CTCP ĐS Thanh Hóa	21	51,00	11	21	51,00	11	21	51,00	11	21	51,00	11
7	CTCP ĐS Phú Khánh	20	51,00	10	20	51,00	10	20	51,00	10	20	51,00	10
8	CTCP ĐS Yên Lào	19	51,00	10	19	51,00	10	19	51,00	10	19	51,00	10
9	CTCP ĐS Vĩnh Phú	12	51,00	6	12	51,00	6	12	51,00	6	12	51,00	6
10	CTCP ĐS Hà Thái	15	51,60	8	15	51,60	8	15	51,60	8	15	51,60	8
11	CTCP ĐS Hà Hải	14	51,00	7	14	51,00	7	14	51,00	7	14	51,00	7
12	CTCP ĐS Hà Ninh	15	51,00	8	15	51,00	8	15	51,00	8	15	51,00	8
13	CTCP ĐS Hà Lạng	17	51,00	8	17	51,00	8	17	51,00	8	17	51,00	8
14	CTCP ĐS Nghệ Tĩnh	15	51,00	8	15	51,00	8	15	51,00	8	15	51,00	8
15	CTCP ĐS Quảng Bình	18	51,00	9	18	51,00	9	18	51,00	9	18	51,00	9
16	CTCP ĐS Bình Trị Thiên	19	51,00	9	19	51,00	9	19	51,00	9	19	51,00	9

17	CTCP ĐS Q N – ĐN	16	51,00	8	16	51,00	8	16	51,00	8	16	51,00	8
18	CTCP ĐS Nghĩa Bình	18	51,00	9	18	51,00	9	18	51,00	9	18	51,00	9
19	CTCP ĐS Thuận Hải	17	64,50	11	17	64,50	11	17	64,50	11	17	64,50	11
20	CTCP ĐS Sài Gòn	20	51,00	10	20	51,00	10	20	51,00	10	20	51,00	10
21	CTCP TTTH ĐS Bắc Giang	8	51,00	4	8	51,00	4	8	51,00	4	8	51,00	4
22	CTCP TTTH ĐS Hà Nội	23	51,00	11	23	51,00	11	23	51,00	11	23	51,00	11
23	CTCP TTTH ĐS Vinh	13	51,00	7	13	51,00	7	13	51,00	7	13	51,00	7
24	CTCP TTTH ĐS Sài Gòn	31	75,77	23	31	75,77	23	31	75,77	23	31	75,77	23
25	CTCP TTTH ĐS Đà Nẵng	11	51,00	6	11	51,00	6	11	51,00	6	11	51,00	6

2. Tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này:

- Việc sử dụng vốn đúng mục đích, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tạo ra lợi nhuận; Bảo toàn và phát triển vốn và tài sản của doanh nghiệp;
- Tổng công ty được chi trả cổ tức theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của doanh nghiệp có vốn góp và đúng thời hạn quy định.

PHỤ LỤC VI
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH
VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI NĂM 2019

*Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP
ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

TỔNG CÔNG TY
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

MST: 0100105052

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

1. Một số chỉ tiêu về nhiệm vụ công ích.

BIỂU MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH (%)	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước (%)
I	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm					
1	Đường chính	Km	2.531,855	2.531,55	100	100
2	Đường ga	Km	507,234	507,234	100	100
3	Ghi	Bộ	2.262	2.262	100	100
4	Cầu	100m	604,253	604,253	100	100
5	Cống	100m	847,259	847,259	100	100
6	Hầm	100m	115,642	115,642	100	100
7	Nhà ga, kho ga	100m ²	2.058,263	2.058,263	100	100
8	Ke ga, bãi hàng	1000m ²	1.383,630	1.383,630	100	100
9	Điểm gác đường ngang	Điểm	618	618	100	100
10	Đường truyền tải	Km/trục	5.310,106	5.310,106	100	100
11	Trạm tổng đài	Trạm	809,852	809,852	100	100
12	Tín hiệu ra vào ga	Hệ	7.306,980	7.306,980	100	100
13	Thiết bị khống chế	Bộ	2.684,000	2.684,000	100	100
14	Thiết bị điều khiển	Đài	9.572,706	9.572,706	100	100
15	Cáp tín hiệu	Km/s	5.902,103	5.902,103	100	100
16	Thiết bị nguồn	Cung	209,680	209,680	100	100
II	Khối lượng, sản phẩm, DVCI bị lỗi, không đạt yêu cầu		0	0	0	0
III	Số lượng ý kiến phản hồi về		0	0	0	0

	chất lượng sản phẩm, dịch vụ của DN không đạt yêu cầu					
IV	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, DVCI thực hiện trong năm	Triệu đồng	0	0	0	0
V	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, DVCI trong năm	Triệu đồng	2.740	2.737	99,89	106,81

2. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

- Trách nhiệm bảo vệ môi trường: Luôn chấp hành và thực hiện đúng các quy định, tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường;
- Thực hiện tốt trách nhiệm với nhà cung cấp: Thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký với nhà cung cấp;
- Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng: Cam kết bảo đảm lợi ích và chất lượng dịch vụ tốt nhất cho người tiêu dùng;
- Quan hệ tốt với người lao động;
- Trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp: Cam kết bảo đảm lợi ích cho cổ đông và chấp hành tốt các quy định hiện hành nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của người lao động.

PHỤ LỤC VIII
BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC
CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2019

Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP
ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

I. Thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức Tổng công ty.

1. Hội đồng thành viên, Ban điều hành của Tổng công ty:

TỔNG CÔNG TY
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

MST: 0100105052

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU SỐ 1

THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP NĂM 2019

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh		Phân loại thành viên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ	Công việc quản lý được giao
			Chức danh tại doanh nghiệp	Chức danh tại công ty khác (nếu có)					
I	Hội đồng TV								
1	Vũ Anh Minh	1973	Chủ tịch HĐQTV		Chuyên trách	Th.sỹ Tổ chức Q. lý vận tải, KS kinh tế vận	Quản lý nhà nước và Quản lý doanh	- Trợ lý Giám đốc kiêm Phó trưởng phòng Kế hoạch thị trường, Công ty nạo vét đường biển II;	Người phụ trách chung của Hội đồng thành viên. Phụ trách các công việc liên quan đến:

						tải biển	nghiệp	- Phó trưởng phòng TCKT Công ty nạo vét đường biển II kiêm Trưởng ban TCKT, Xi nghiệp Khai thác khoáng sản và Vật liệu xây dựng; - Phụ trách TCKT Ban Điều hành dự án nạo vét phía Bắc, Tổng Cty XD đường thủy; - Phó Vụ trưởng, Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp Bộ GTVT; - Chủ tịch HĐTV Tổng Cty ĐSVN.	Quản lý vốn và tài sản do chủ sở hữu nhà nước giao cho Tổng công ty; Chỉ đạo thực hiện các quyết định của chủ sở hữu nhà nước ...
2	Đỗ Thanh Hà	1971	Thành viên HĐTV		Chuyên trách	Th.sỹ QTKD, KS Kinh tế vận tải sắt, CN Anh văn	Quản lý doanh nghiệp	- Phó trưởng ban Kế hoạch-Thống kê Tổng Cty ĐSVN; - Phó trưởng ban phụ trách, Trưởng ban KSNB Tổng Cty ĐSVN; - Trưởng ban KHKD Tổng Cty ĐSVN; - Thành viên HĐTV Tổng Cty ĐSVN.	Phụ trách theo dõi, giám sát, đôn đốc công tác liên quan đến tài chính kế toán của Tổng công ty; phân phối lợi nhuận, trích lập, sử dụng các quỹ; đánh giá hiệu quả của các dự án...
3	Hồ Hữu Hòa	1973	Thành viên HĐTV		Chuyên trách	KS Vận tải đường sắt; CN ngoại ngữ; CN Luật	Quản lý nhà nước và Quản lý doanh nghiệp	- 12/2010 - 4/2017: Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ GTVT; - 5/2017 đến nay: Thành viên HĐTV Tổng công ty ĐSVN.	Phụ trách các công việc liên quan đến: Công tác quản lý KCHTĐS; quản lý xây dựng; công tác xây dựng văn bản pháp luật và xây dựng quy chế, quy định nội bộ của TCT; công tác kiểm tra, giám sát; công tác giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ.

II	Phó Tổng GD								
1	Đặng Sỹ Mạnh	1970	Phó Tổng giám đốc phụ trách		Chuyên trách	Th.sỹ QTKD, KS cầu hầm	Quản lý nhà nước và Quản lý doanh nghiệp	- Từ 09/2003 - 05/2005: Phó phòng kỹ thuật, Ban Quản lý dự án Đường sắt Khu vực 2; - Từ 06/2005 - 04/2007: Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án Đường sắt Khu vực 2; - Từ 05/2007 - 05/2014: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đường sắt Khu vực 2; Trưởng văn phòng đại diện Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam tại ĐN; - Từ 06/2014 - 11/2014: Giám đốc Ban Quản lý các dự án Đường sắt; - Từ 11/2014 - 10/2017: Phó Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam; - Từ 11/2017 - 9/2018: Phó TGD Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; - Từ 10/2018: Phó TGD phụ trách Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.	Chỉ đạo và quản lý toàn diện các mặt công tác của Tổng công ty; Điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty ...
2	Ngô Cao Vân	1959	Phó Tổng giám đốc		Chuyên trách	KS đầu máy Diesel	Quản lý doanh nghiệp	- Phó trưởng phòng, Trưởng phòng Kỹ thuật, Phó GD, GD XN ĐM Sài Gòn; - Phó trưởng ban, Trưởng ban KHCN Tổng cty ĐSVN; - Phó TGD Cty VTHKĐS Hà Nội; - Trưởng ban ĐMTX Tổng cty ĐSVN;	Phụ trách các lĩnh vực công tác liên quan đến phương tiện vận tải đường sắt; công tác an toàn chạy tàu, an toàn lao động, vệ sinh lao động; công tác cứu hộ, cứu nạn GTĐS ...

								- TGD Liên hiệp sức kéo ĐS; - Phó TGD Tổng Cty ĐSVN.	
3	Trần Thiện Cảnh	1974	Phó Tổng giám đốc		Chuyên trách	Th.sỹ Kinh tế, KS Cầu hầm	Quản lý doanh nghiệp	- Phó trưởng phòng, Trưởng phòng Cầu 2, Cty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng GTVT; - Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc Xí nghiệp Cầu hầm, Cty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng GTVT; - Phó TGD, Chủ tịch Công đoàn, Phó Bí thư ĐU, Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng GTVT; - Trưởng ban Chuẩn bị đầu tư Tổng Cty ĐSVN; - Phó TGD Tổng Cty ĐSVN.	Phụ trách công tác: Quản lý đầu tư và xây dựng các dự án xây dựng cơ bản, các dự án xã hội hóa trong Tổng công ty; quản lý bảo trì KCHT ĐS ...
4	Đoàn Duy Hoạch	1959	Phó Tổng giám đốc		Chuyên trách	KS Kinh tế vận tải sắt	Quản lý doanh nghiệp	- Bí thư đoàn chuyên trách Cty Cầu 5; - Bí thư đoàn chuyên trách Xí nghiệp liên hợp ĐS khu vực 2; - Bí thư đoàn chuyên trách Đoàn TN Tổng Cty ĐSVN; - Phó TGD, Phó Bí thư thường trực ĐU Xí nghiệp Liên hợp ĐS khu vực 2; - Bí thư ĐU, Phó TGD Cty VTĐS Hà Nội; - Trưởng ban Tổ chức ĐU, Tổng Cty ĐSVN; - Phó Bí thư thường trực ĐU Tổng Cty ĐSVN; - Phó TGD Tổng Cty ĐSVN.	Phụ trách các lĩnh vực công tác liên quan đến: công tác đảm bảo an toàn GTĐS; công tác nội chính trong Cơ quan Tổng công tác.

5	Phan Quốc Anh	1964			Chuyên trách	KS vận tải sắt	Quản lý doanh nghiệp	- Phó trưởng phòng, Trưởng phòng điều hành trung tâm, Trung tâm ĐHVTD&S; - Phó GD, GD Trung tâm ĐHVTD&S; - Phó TGD Tổng Cty ĐSVN.	Phụ trách công tác liên quan đến: kế hoạch sản xuất kinh doanh vận tải vận tải ĐS, các dịch vụ hỗ trợ vận tải ĐS; Vận tải đa phương thức và liên vận quốc tế ...
6	Nguyễn Văn Minh	1965			Biệt phái	Th.sỹ cảnh sát chuyên ngành điều tra tội phạm	31 năm trong ngành CA; 03 năm trong ngành ĐS	- Phó trưởng phòng Điều tra Tai nạn giao thông Cục Cảnh sát giao thông (C67); - Phó TGD Tổng Cty ĐSVN (biệt phái tại Tổng Cty ĐSVN).	Phụ trách công tác đảm bảo an ninh, trật tự, quân sự, quốc phòng; công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại ...
IV Kế toán trưởng									
	Lê Thị Nhuận	1971	Kế toán trưởng		Chuyên trách	CN Tài chính-Tín dụng	Quản lý doanh nghiệp	- Trưởng ban TCKT Ban QL các dự án khu vực Hà Nội, Cty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà; - Phó Ban điều hành các dự án xây lắp, đầu tư và kinh doanh thương mại Tổng Cty CP Đầu tư xây dựng và thương mại Việt Nam; - Kế toán trưởng, Phó GD, Ủy viên HĐQT Cty Đầu tư xây dựng nhà cao tầng Constrexim; - Kiểm soát viên chuyên trách, Kế toán trưởng Tổng Cty ĐSVN.	

2. Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên.

Họ và tên	Năm sinh	Chức danh		Phân loại thành viên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ	Công việc quản lý được giao
		Chức danh tại doanh nghiệp	Chức danh tại công ty khác (nếu có)					
Đới Sỹ Hưng	1960	Kiểm soát viên		Chuyên trách	CN Luật, KS cầu hầm	33 năm	-Phó Trưởng phòng SXKD; Trưởng phòng SXKD XN QLĐS Thanh Hóa; - Phó GĐ, GĐ XN QLĐS Thanh Hóa; - Phó TGĐ Ban QLDA Đường HCM; - Phó Ban QLCSHTĐS Tổng cty; - Trưởng Ban Chuẩn bị đầu tư các DAATGTĐS Tổng Cty ĐSVN; - Trưởng Ban Chuẩn bị đầu tư TCT ĐSVN; - Phó TGĐ Tổng Cty ĐSVN; - Kiểm soát viên chuyên trách Tổng Cty ĐSVN	

3. Thù lao và lợi ích của Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương, tiền thưởng, thù lao, thu nhập (đồng)				Ghi chú
			Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Thu nhập	
1	Vũ Anh Minh	CT. HĐQT	304.787.593			391.787.593	
2	Đỗ Thanh Hà	TV HĐQT	290.563.645			377.563.645	
3	Hồ Hữu Hòa	TV HĐQT	270.183.002			357.183.002	
4	Đặng Sỹ Mạnh	P.TGĐ	270.183.002			357.183.002	
5	Ngô Cao Vân	P.TGĐ	252.511.952			339.511.952	
6	Đoàn Duy Hoạch	P.TGĐ	275.885.402			362.885.402	
7	Phan Quốc Anh	P.TGĐ	275.885.402			362.885.402	

8	Trần Thiện Cảnh	P.TGD	270.183.002			357.183.002	
9	Lê Thị Nhuận	KTT	274.000.000			357.183.002	

Ghi chú:

- Số liệu về tiền lương: Tiền lương người quản lý năm 2019 đã tạm ứng (từ Tháng 1/2019 đến ngày 31/12/2019);
- Phần còn lại của quỹ tiền lương người quản lý năm 2017,2018 chưa quyết toán do chưa có đánh giá người quản lý của chủ sở hữu;
- Thu nhập gồm: tiền lương tạm ứng năm 2019, phần còn lại tiền lương năm 2018, tiền thưởng, thù lao.. (nếu có);
- Ông Nguyễn Văn Minh- Phó TGD là cán bộ biệt phái, tiền lương, thù lao nhận ở đơn vị cử đi (không ở danh sách nhận lương của Tổng công ty ĐSVN).

II. Các Quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp.

BIỂU SỐ 2 CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	281/QĐ-UBQLV	01/03/2019	Phê duyệt danh sách Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập năm 2018 tại các tập đoàn Tổng công ty thuộc diện quản lý của Ủy ban.
2	57/QĐ-UBQLV	27/02/2019	Ban hành Quy chế thi đua - khen thưởng của UBQLNN tại DN
4	56/QĐ-UBQLV	27/02/2019	Thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng của UBQLVNN tại DN
5	86/QĐ-UBQLV	04/01/2019	Quyết định triển khai phần mềm bộ chỉ số phục vụ giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp
6	87/QĐ-UBQLV	04/01/2019	Quyết định ban hành quy chế báo cáo, quản lý và sử dụng phần mềm Bộ chỉ số của UBQLVNN tại DN
7	70/QĐ-UBQLV	15/3/2019	Quyết định ban hành chương trình hành động của UBQLVNN tại DN thực hiện nghị quyết số 01/NQ. Những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu thực hiện KHPTKT XH
8	71/QĐ-UBQLV	15/3/2019	Quyết định ban hành kế hoạch hành động của UBQLVNN tại DN thực hiện chỉ thị của TTCP về việc tăng cường công tác chỉ đạo, đẩy mạnh công tác cơ cấu sắp xếp lại...
9	151/QĐ-UBQLV	16/5/2019	Quyết định phê duyệt kế hoạch giám sát tài chính năm 2019
10	155/QĐ-UBQLV	17/5/2019	Quyết định thành lập Tổ tái cơ cấu thúc đẩy sắp xếp, CPH thoái vốn DNNN và tồn tại yếu kém của một số dự án do các bộ ngành chuyển giao về Ủy ban
11	48/QĐ-ĐU	06/07/2019	Ban hành Quy chế bảo vệ chính trị nội bộ trong UBQLVNN tại DN
12	236/QĐ-UBQLV	25/6/2019	Quyết định phê duyệt chương trình công tác năm 2019 của Kiểm soát viên Tổng công ty ĐSVN
13	308/QĐ-UBQLV	31/7/2019	Ban hành quy chế tổ chức cụm thi đua và bình xét khen thưởng khối thi đua các doanh nghiệp thuộc UBQLVNN tại DN
14	309/QĐ-UBQLV	31/7/2019	Quyết định chỉ định Cụm trưởng, cụm phó cụm thi đua năm 2019 khối thi đua các đơn vị thuộc UBQLVNN tại DN
15	465/QĐ-UBQLV	29/10/2019	Quyết định cử cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh khóa 78
16	512/QĐ-UBQLV	20/11/2019	Quyết định tặng bằng khen của Chủ tịch UBQLVNN tại DN giai đoạn 2017-2018
17	511/QĐ-UBQLV	20/11/2019	Quyết định tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua UBQLVNN tại DN

III. Hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty.

BIỂU SỐ 3 THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

TT	Thành viên HĐTV hoặc Chủ tịch TCT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Số buổi họp không tham dự	Lý do không tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Vũ Anh Minh	Chủ tịch	28			100%
2	Ông Hồ Hữu Hòa	Thành viên	28			100%
3	Bà Đỗ Thanh Hà	Thành viên	28			100%

BIỂU SỐ 4 THỐNG KÊ CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung (Trích yếu văn bản)
1	01-19/NQ- HĐTV	08/01/2019	Nghị quyết của Hội đồng thành viên TCT ĐSVN tại phiên họp tổng kết công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2018 và KH nhiệm vụ SXKD năm 2019
2	02-19/NQ- HĐTV	28/01/2019	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN về rà soát, sửa đổi, bổ sung quy hoạch cán bộ Tổng công ty ĐSVN giai đoạn 2016-2021, 2021-2026 (Điều chỉnh năm 2019).
3	03-19/NQ- HĐTV	22/02/2019	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐVN về xem xét phương án hợp nhất các Ban của Đảng với chuyên môn theo Quyết định số 69-QĐ/TW ngày 13/02/2017 của BCH Trung ương Đảng
4	04-19/NQ- HĐTV	28/02/2019	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN về một số nhiệm vụ trong SXKD năm 2019; Đề án Quản lý và khai thác KCHTĐS và Đề án Cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2017-2020
5	05-19/NQ- HĐTV	08/03/2019	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN về công tác nhân sự tại các đơn vị: Công ty CP TTTH ĐS Vinh, Sài Gòn; CP ĐS QN-ĐN và Chi nhánh XNĐM Sài Gòn.
6	06-19/NQ- HĐTV	02/05/2019	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN về kết quả SXKD tháng 4/2019, phương hướng nhiệm vụ tháng 5/2019, thực hiện kết luận thanh tra tại 80 Lý Thường Kiệt TP. Hà Nội; và nhân sự đối với chức danh Kế toán trưởng
7	07-19/NQ- HĐTV	22/05/2019	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN về hợp tác với nước ngoài, công tác quản lý vật tư đường sắt, bổ nhiệm lại kế toán trưởng và một số nội dung khác.

8	08-19/NQ-HĐTV	02/07/2019	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN về kết quả SXKD 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019 của Tổng công ty ĐSVN; công tác nhân sự Công ty TNHH 2 TV Khách sạn Sài Gòn và một số nội dung khác.
9	09-19/NQ-HĐTV	02/08/2019	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN về kết quả SXKD tháng 7/2019, phương hướng nhiệm vụ tháng 8/2019 và công tác quy hoạch nhân sự của Tổng công ty ĐSVN.
10	10-19/NQ-HĐTV	07/08/2019	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN thông nhất chủ trương về bổ nhiệm Tổng giám đốc và Thành viên HĐQT Tổng công ty.
11	11-19/NQ-HĐTV	08/10/2019	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN về việc bổ nhiệm cán bộ chủ chốt của Tổng công ty.
12	12-19/NQ-HĐTV	31/10/2019	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN về kết quả SXKD tháng 10/2019, phương hướng nhiệm vụ tháng 11/2019 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và công tác nhân sự.
13	13-19/NQ-HĐTV	02/12/2019	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN về kết quả SXKD tháng 11/2019, phương hướng nhiệm vụ tháng 12/2019 của Tổng công ty ĐSVN và công tác nhân sự.
14	14-19/NQ-HĐTV	31/12/2019	Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN tại phiên họp tổng kết công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2019 và KH nhiệm vụ SXKD năm 2020

BIỂU SỐ 5

THỐNG KÊ CÁC BÁO CÁO CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	01/KSV	25/01/2019	Xây dựng chương trình công tác năm 2019
2	02/KSV	29/01/2019	Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát Tổng công ty ĐSVN năm 2018 của kiểm soát viên chuyên trách tại TCT ĐSVN
4	03/KSV	29/01/2019	Báo cáo tình hình hoạt động của Tổng công ty ĐSVN
5	04/KSV	02/12/2019	Phê duyệt chương trình công tác năm 2019
6	05/KSV	20/3/2019	Gửi báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán và Nghị quyết ĐHCĐ công ty CP về KSV chuyên trách Tổng công ty ĐSVN
7	06/KSV	20/3/2019	Báo cáo tình hình thực hiện năm 2018 dự kiến kế hoạch năm 2019 của KSV

8	07/KSV	28/3/2019	Tham gia ý kiến dự thảo Nghị định về hoạt động của Doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
9	08/KSV	21/5/2019	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát của kiểm soát viên chuyên trách Tổng công ty ĐSVN quý I/2019
10	09/KSV	27/5/2019	Góp ý dự thảo quy chế
11	10/KSV	06/05/2019	Phê duyệt chương trình công tác năm 2019
12	11/KSV	07/04/2019	Thẩm định quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của Công ty mẹ - Tổng công ty ĐSVN
13	12/KSV	5/7/2019	Xếp loại doanh nghiệp năm 2017 của Tổng công ty ĐSVN
14	13/KSV	15/7/2019	Ý kiến đề án di dời bến cảng Hoàng Diệu thuộc cảng biển Hải Phòng
15	14/KSV	15/7/2019	Báo cáo kết quả kiểm tra của Kiểm soát viên chuyên trách Tổng công ty ĐSVN Quý 2 và 6 tháng đầu năm 2019
16	15/KSV	15/7/2019	Thông báo kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2019 của Kiểm soát viên tại Tổng công ty ĐSVN
17	16/KSV	28/8/2019	Quản lý, sử dụng đất và tài sản KCHTĐS tại trạm vật tư ĐS Dĩ An
18	17/KSV	09/09/2019	Xin đính chính văn bản
19	18/KSV	09/10/2019	Góp ý kiến dự thảo quy chế kiểm soát viên chuyên trách
20	19/KSV	20/9/2019	Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2018
21	20/KSV	10/10/2019	Đề nghị Hội đồng thành viên họp khẩn cấp để giải quyết một số nội dung tại văn bản của Tổng công ty trả lời CO3
22	21/KSV	29/10/2019	Đề nghị HĐTC chỉ đạo báo cáo Bộ GTVT theo yêu cầu tại VB số 6346 /BGTVT-KCHTĐS.
23	22/KSV	29/10/2019	Báo cáo kết quả Kiểm tra , giám sát của KSV Tổng công ty ĐSVN quý III/2019
24	23/KSV	29/10/2019	Báo cáo giám sát tài chính 6 tháng năm 2019
25	24/KSV	22/11/2019	Giải trình công văn 1233/ĐS-QLHT ngày 19/5/2015 và công văn số 57/ĐS-KHKD ngày 11/01/2017 của Tổng công ty ĐSVN.
26	25/KSV	12/12/2019	Báo cáo thẩm định quỹ tiền lương kế hoạch năm 2019 của Công ty mẹ Tổng công ty ĐSVN
27	26/KSV	23/12/2019	Tham gia ý kiến dự thảo Quy chế quản lý Tài chính của Tổng công ty ĐSVN

BIỂU SỐ 6
THỐNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch
I	Các đơn vị thực hiện bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt	Hợp đồng cho thuê máy móc thiết bị chuyên dùng trong bảo trì, sửa chữa đường sắt	23,115
1	Công ty CPĐS Vĩnh Phú	„	0,234
2	Công ty CPĐS Yên Lào	„	0,768
3	Công ty CPĐS Hà Lạng	„	2,637
4	Công ty CPĐS Hà Thái	„	0,689
5	Công ty CPĐS Hà Hải	„	0,874
6	Công ty CPĐS Hà Ninh	„	1,468
7	Công ty CPĐS Thanh Hóa	„	5,012
8	Công ty CPĐS Nghệ Tĩnh	„	0,874
9	Công ty CPĐS Quảng Bình	„	3,573
10	Công ty CPĐS Bình Trị Thiên	„	1,469
11	Công ty CPĐS Quảng Nam - Đà Nẵng	„	0,834
12	Công ty CPĐS Nghĩa Bình	„	2,099
13	Công ty CPĐS Phú Khánh	„	0,837
14	Công ty CPĐS Thuận Hải	„	0,873
15	Công ty CPĐS Sài Gòn	„	0,874
II	Các đơn vị thực hiện bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt	Hợp đồng đặt hàng bảo dưỡng thường xuyên năm 2019	2.525,599
1	Công ty CPĐS Yên Lào	„	105,352
2	Công ty CPĐS Vĩnh Phú	„	107,424
3	Công ty CPĐS Hà Lạng	„	108,375
4	Công ty CPĐS Hà Thái	„	139,660
5	Công ty CPĐS Hà Hải	„	158,598
6	Công ty CPĐS Hà Ninh	„	132,005
7	Công ty CPĐS Thanh Hóa	„	127,430
8	Công ty CPĐS Nghệ Tĩnh	„	134,317
9	Công ty CPĐS Quảng Bình	„	139,496
10	Công ty CPĐS Bình Trị Thiên	„	167,996

11	Công ty CPĐS QN - Đà Nẵng	”	138,087
12	Công ty CPĐS Nghĩa Bình	”	166,397
13	Công ty CPĐS Phú Khánh	”	190,167
14	Công ty CPĐS Thuận Hải	”	113,964
15	Công ty CPĐS Sài Gòn	”	161,567
16	Công ty CP TTTH ĐS Bắc Giang	”	37,708
17	Công ty CP TTTH ĐS Hà Nội	”	114,590
18	Công ty CP TTTH ĐS Vinh	”	73,574
19	Công ty CP TTTH ĐS Đà Nẵng	”	104,936
20	Công ty CP TTTH ĐS Sài Gòn	”	103,949
III	Các đơn vị thực hiện bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt	Cho thuê sử dụng có điều kiện các tài sản nhà cung cầu, cung đường, cung TTTH, nhà làm việc, nhà lưu trú	4,938
1	Công ty CP ĐS Yên Lào	”	0,207
2	Công ty CP ĐS Vĩnh Phú	”	0,190
3	Công ty CP ĐS Hà Thái	”	0,305
4	Công ty CP ĐS Hà Hải	”	0,495
5	Công ty CP ĐS Hà Lạng	”	0,547
6	Công ty CP ĐS Hà Ninh	”	0,452
7	Công ty CP ĐS Thanh Hóa	”	0,020
8	Công ty CP ĐS Nghệ Tĩnh	”	0,444
9	Công ty CP ĐS Quảng Bình	”	0,220
10	Công ty CP ĐS Bình Trị Thiên	”	0,185
11	Công ty CP ĐS QN - ĐN	”	0,255
12	Công ty CP ĐS Nghĩa Bình	”	0,171
13	Công ty CP ĐS Phú Khánh	”	0,264
14	Công ty CP ĐS Thuận Hải	”	0,126
15	Công ty CP ĐS Sài Gòn	”	0,499
16	Công ty CP TTTH ĐS Bắc Giang	”	0,136
17	Công ty CP TTTH ĐS Hà Nội	”	0,073
18	Công ty CP TTTH ĐS Vinh	”	0,162
19	Công ty CP TTTH ĐS Đà Nẵng	”	0,159
20	Công ty CP TTTH ĐS Sài Gòn	”	0,028
IV	Các Công ty CP Vận tải đường sắt	Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ điều hành giao thông đường sắt, các dịch vụ hỗ trợ liên quan	2.185,435
1	Công ty CP Vận tải ĐS Hà Nội	”	1.141,294
2	Công ty CP Vận tải ĐS Sài Gòn	”	880,491
3	Công ty CP VT & TM đường sắt	”	151,588

4	Công ty CP VT & TM đường sắt	Hợp đồng thuê tài sản 99 toa xe G	3,853
5	Công ty CP VT & TM đường sắt	Hợp đồng thuê 120 toa xe Mc	5,913
6	Công ty CP Vận tải ĐS Hà Nội	Thỏa thuận hợp tác khai thác đường nhánh ĐS chuyên dùng Bim Sơn	0,287
7	Công ty CP VT & TM đường sắt	Hợp đồng cho thuê kết cấu hạ tầng đường sắt có điều kiện bãi hàng ga Đông Anh	0,764
8	Công ty CP Vận tải ĐS Hà Nội	Hợp đồng cho thuê kết cấu hạ tầng đường sắt có điều kiện bãi hàng đường 15-16 và hệ thống kho ga Yên Viên	1,245

Số:



202642/20

**BẢN SAO
COPY**

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Thành phố Hà Nội*
Địa chỉ trụ sở: *Nhà B10A - Khu Đô thị Nam Trung Yên, đường Nguyễn Chánh,
Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Điện thoại: 024.62820834 - 04.62820835 Fax: 04.38251733
Email: *pdkkd_sokhdt@hanoi.gov.vn* Website: *www.hapi.gov.vn*

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: **TÔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 0100105052

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Tư vấn, khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng; Tư vấn, khảo sát, thiết kế, chế tạo, đóng mới và sửa chữa các phương tiện, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí;	7410
2	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Dịch vụ viễn thông	6190
3	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Dịch vụ tin học;	6209
4	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kinh doanh kho bãi và dịch vụ hỗ trợ cho vận tải; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	5210
5	Vận tải hành khách đường sắt Chi tiết: Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế;	4911
6	Vận tải hàng hóa đường sắt Chi tiết: Đại lý và dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hàng không;	4912

STT	Tên ngành	Mã ngành
7	Xây dựng công trình đường sắt Chi tiết: Quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; Kinh doanh hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt;	4211(Chính)
8	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh xăng, dầu, mỡ bôi trơn của ngành đường sắt;	4661
9	Xây dựng công trình đường bộ	4212
10	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt Chi tiết: Điều hành giao thông vận tải đường sắt quốc gia; Xếp, dỡ hàng hóa; Lưu kho, bảo quản hàng hóa; Giao nhận; Đại lý vận tải; Thuê, mua phương tiện, sửa chữa phương tiện; Các dịch vụ khác liên quan đến việc tổ chức và thực hiện chuyên chở hành khách, hành lý, bao gửi và hàng hóa bằng đường sắt;	5221
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): ĐẶNG SỸ MẠNH Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: NGUYỄN KIM PHƯƠNG Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: <i>Số 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam</i> Điện thoại: 0243 942 5972 Fax: 0243 942 2866 Email: vanphong@dsvn.com.vn
4	Hình thức hạch toán: <i>Hạch toán độc lập</i>
5	Năm tài chính: <i>Áp dụng từ ngày 1/1 đến ngày 31/12</i>
6	Tổng số lao động: 7401
7	Phương pháp tính thuế GTGT: <i>Khấu trừ</i>
8	Thông tin về tài khoản ngân hàng: Tài khoản ngân hàng:

Thông tin về người quản lý doanh nghiệp:

* Họ và tên: ĐẶNG SỸ MẠNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc, Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 07/03/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 044070001937

Ngày cấp: 14/02/2020

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12 ngách 56 ngõ 221 đường Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 12 ngách 56 ngõ 221 đường Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Nơi nhận:

-TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM. Địa chỉ: Số 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

.....;

- Lưu: Trần Đức.....

TRƯỞNG PHÒNG

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 24-04-2020

Số 05909 Quyển 01 SCT/BS

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Hải Hùng



CÔNG CHỨNG VIÊN
Khúc Mạnh Cường



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0100105052

Đăng ký lần đầu: ngày 26 tháng 07 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 17 tháng 04 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **VIETNAM RAILWAYS (VNR)**

Tên công ty viết tắt: **ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM (ĐSVN)**

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 118 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 39425972

Fax: (84-24) 3 942 2866

Email: vanphong@dsvn.com.vn

Website: www.vr.com.vn

3. Vốn điều lệ 3.250.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba nghìn hai trăm năm mươi tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: **NHÀ NƯỚC**

Địa chỉ trụ sở chính:

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **ĐẶNG SỸ MẠNH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: **Tổng giám đốc**

Sinh ngày: *07/03/1970*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *044070001937*

Ngày cấp: *14/02/2020*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 12 ngách 56 ngõ 221 đường Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 12 ngách 56 ngõ 221 đường Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Ngày: **24-04-2020**

Số: **05909** Nguyên: **01**.....SCT/BS

TRƯỞNG PHÒNG



CÔNG CHỨNG VIÊN
Đỗ Toàn Trung



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Hải Hùng

PHỤ LỤC VIII
BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC
CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2019

*Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP
ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

I. Thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức Tổng công ty.

1. Hội đồng thành viên, Ban điều hành của Tổng công ty:

TỔNG CÔNG TY
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

MST: 0100105052

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU SỐ 1

THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP NĂM 2020

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh		Phân loại thành viên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ	Công việc quản lý được giao
			Chức danh tại doanh nghiệp	Chức danh tại công ty khác (nếu có)					
I	Hội đồng TV								

1	Vũ Anh Minh	1973	Chủ tịch HĐTV		Chuyên trách	Th.sỹ Tổ chức Q. lý vận tải, KS kinh tế vận tải biển	Quản lý nhà nước và Quản lý doanh nghiệp	- Trợ lý Giám đốc kiêm Phó trưởng phòng Kế hoạch thị trường, Công ty nạo vét đường biển II; - Phó trưởng phòng TCKT Công ty nạo vét đường biển II kiêm Trưởng ban TCKT, Xí nghiệp Khai thác khoáng sản và Vật liệu xây dựng; - Phụ trách TCKT Ban Điều hành dự án nạo vét phía Bắc, Tổng Cty XD đường thủy; - Phó Vụ trưởng, Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp Bộ GTVT; - Chủ tịch HĐTV Tổng Cty ĐSVN.	Người phụ trách chung của Hội đồng thành viên. Phụ trách các công việc liên quan đến: Quản lý vốn và tài sản do chủ sở hữu nhà nước giao cho Tổng công ty; Chỉ đạo thực hiện các quyết định của chủ sở hữu nhà nước ...
2	Đỗ Thanh Hà	1971	Thành viên HĐTV		Chuyên trách	Th.sỹ QTKD, KS Kinh tế vận tải sắt, CN Anh văn	Quản lý doanh nghiệp	- Phó trưởng ban Kế hoạch-Thống kê Tổng Cty ĐSVN; - Phó trưởng ban phụ trách, Trưởng ban KSNB Tổng Cty ĐSVN; - Trưởng ban KHKD Tổng Cty ĐSVN; - Thành viên HĐTV Tổng Cty ĐSVN.	Phụ trách theo dõi, giám sát, đôn đốc công tác liên quan đến tài chính kế toán của Tổng công ty; phân phối lợi nhuận, trích lập, sử dụng các quỹ; đánh giá hiệu quả của các dự án...
3	Hồ Hữu Hòa	1973	Thành viên HĐTV		Chuyên trách	KS Vận tải đường sắt; CN ngoại ngữ; CN Luật	Quản lý nhà nước và Quản lý doanh nghiệp	- 12/2010 - 4/2017: Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ GTVT; - 5/2017 đến nay: Thành viên HĐTV Tổng công ty ĐSVN.	Phụ trách các công việc liên quan đến: Công tác quản lý KCHTĐS; quản lý xây dựng; công tác xây dựng văn bản pháp luật và xây dựng quy

									chế, quy định nội bộ của TCT; công tác kiểm tra, giám sát; công tác giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ.
4	Lê Thị Nhuận	1971	Thành viên HĐTV		Chuyên trách	CN Tài chính-Tín dụng	Quản lý doanh nghiệp	- Trưởng ban TCKT Ban QL các dự án khu vực Hà Nội, Cty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà; - Phó Ban điều hành các dự án xây lắp, đầu tư và kinh doanh thương mại Tổng Cty CP Đầu tư xây dựng và thương mại Việt Nam; - Kế toán trưởng, Phó GD, Ủy viên HĐQT Cty Đầu tư xây dựng nhà cao tầng Constrexim; - Kiểm soát viên chuyên trách, KTT Tổng Cty ĐSVN.	Phụ trách các công việc liên quan đến: Công tác liên quan đến tài chính kế toán, đến miễn, giảm thuế của Tổng công ty; - Công tác phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của Tổng công ty; - Các nội dung về lĩnh vực quản lý tài chính tại Điều 11 Quy chế này;
5	Lê Bằng An	1975	Thành viên HĐTV		Chuyên trách	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Quản lý doanh nghiệp	- Trưởng phòng KHĐT, Cty CP VT và TM ĐS; - Phó trưởng Ga Hà Nội, Công ty VTHK ĐS Hà Nội; - Chánh văn phòng TCT ĐSVN.	Phụ trách các công việc liên quan đến: Theo dõi, giám sát, đôn đốc thực hiện công việc thuộc các chuyên đề, lĩnh vực: - Công tác vận tải và điều hành vận tải của Tổng công ty; - Công tác khai thác kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt không liên quan đến chạy tàu; - Công tác khai thác

									tiềm năng thể mạnh, các nguồn lực để phát triển dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt; - Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của Hội đồng thành viên.
II	Tổng GD								
1	Đặng Sỹ Mạnh	1970	Thành viên HĐTV, Tổng giám đốc		Chuyên trách	Th.sỹ QTKD, KS cầu hầm	Quản lý nhà nước và Quản lý doanh nghiệp	- Từ 09/2003 - 05/2005: Phó phòng kỹ thuật, Ban Quản lý dự án Đường sắt Khu vực 2; - Từ 06/2005 - 04/2007: Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án Đường sắt Khu vực 2; - Từ 05/2007 - 05/2014: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đường sắt Khu vực 2; Trưởng văn phòng đại diện Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam tại ĐN; - Từ 06/2014 - 11/2014: Giám đốc Ban Quản lý các dự án Đường sắt; - Từ 11/2014 - 10/2017: Phó Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam; - Từ 11/2017 - 9/2018: Phó TGD Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; - Từ 10/2018: Phó TGD phụ	Chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng thành viên Tổng công ty, chủ sở hữu nhà nước của Tổng công ty; thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, bảo đảm thống nhất công tác quản lý trong Tổng công ty; trực tiếp chỉ đạo, điều hành các vấn đề quan trọng trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên Tổng công ty; quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động

								trách Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.	kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty.
III Phó TGD									
1	Phan Quốc Anh	1964			Chuyên trách	KS vận tải sắt	Quản lý doanh nghiệp	- Phó trưởng phòng, Trưởng phòng điều hành trung tâm, Trung tâm ĐHVTĐS; - Phó GD, GD Trung tâm ĐHVTĐS; - Phó TGD Tổng Cty ĐSVN.	Phụ trách công tác liên quan đến: kế hoạch sản xuất kinh doanh vận tải vận tải ĐS, các dịch vụ hỗ trợ vận tải ĐS; Vận tải đa phương thức và liên vận quốc tế ...
2	Trần Thiện Cảnh	1974	Phó Tổng giám đốc		Chuyên trách	Th.sỹ Kinh tế, KS Cầu hầm	Quản lý doanh nghiệp	- Phó trưởng phòng, Trưởng phòng Cầu 2, Cty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng GTVT; - Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc Xí nghiệp Cầu hầm, Cty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng GTVT; - Phó TGD, Chủ tịch Công đoàn, Phó Bí thư ĐU, Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng GTVT; - Trưởng ban Chuẩn bị đầu tư Tổng cty ĐSVN; - Phó TGD Tổng cty ĐSVN.	Phụ trách công tác: Quản lý đầu tư và xây dựng các dự án xây dựng cơ bản, các dự án xã hội hóa trong Tổng công ty; quản lý bảo trì KCHT ĐS ...
3	Hoàng Gia Khánh	1975	Phó Tổng giám đốc		Chuyên trách	Thạc sỹ TC và QLVT	Quản lý doanh nghiệp	- Phó GD TT DV và SXVT - XN ĐS Thanh Hóa; - PP SXKD - XN QL ĐS Thanh Hóa; - PGD XN TCCG 17/4- Cty QLĐS Thanh Hóa; - Giám đốc XN TCCG 17/4 -	- Quản lý đầu tư và xây dựng các dự án xây dựng cơ bản từ nguồn vốn đầu tư của Tổng công ty cho các Chi nhánh trong Tổng công ty; An toàn giao thông trong Quản

								Cty QLĐS Thanh Hóa; - PGĐ Cty kiêm Giám đốc CN Cty - XNXLCTGT - Cty TNHH MTV QLĐS Thanh Hóa; - Giám đốc Cty TNHH MTV QLĐS Thanh Hóa; - Giám đốc Cty CP ĐS Thanh Hóa.	lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt; Hoạt động bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt; Các dự án đầu tư, sửa chữa định kỳ có tính chất đầu tư kết cấu hạ tầng đường sắt Quốc gia sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế; các dự án đường ngang sử dụng nguồn vốn sự nghiệp kinh tế và các nguồn vốn khác...
4	Hoàng Năng Khanh	1976	Phó Tổng giám đốc		Chuyên trách	Thạc sỹ KT	Quản lý doanh nghiệp	- Phó phòng KT-KCS, XN Đầu máy Sài Gòn; - Quản đốc PXSC Đổi mới - XN Đầu máy Sài Gòn; - Trưởng phòng KT-KCS - XN Đầu máy Sài Gòn; - Phó giám đốc XN Đầu máy Sài Gòn.	- Quản lý chất lượng, hiệu quả và an toàn của phương tiện vận tải đường sắt, thiết bị động lực tham gia hoạt động giao thông đường sắt; - Vận dụng, sửa chữa phương tiện vận tải đường sắt; - Xuất, nhập khẩu, mua sắm, cung ứng phương tiện vận tải đường sắt; - Công tác tổ chức cứu hộ, cứu nạn tai nạn giao thông đường sắt; - Công tác khoa học công nghệ, nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới và tiên bộ kỹ thuật

									vào ngành đường sắt;
IV	Kế toán trưởng								
1	Nguyễn Tuấn Vinh	1978	Phụ trách kế toán			Thạc sỹ	Quản lý doanh nghiệp	- KTT Công ty CP VT và TM ĐS; - Ủy viên HĐQT, KTT Công ty CPVT và TMĐS; - Chủ tịch HĐQT Công ty CPVT và TMĐS.	Tổ chức thực hiện công tác kế toán của Tổng công ty ĐSVN; đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu SXKD...

2. Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên: Hiện nay chưa có.



